

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Bản án số: 13/2021/HS-ST
Ngày 09-4-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hòa và ông Võ Duy Trinh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 23/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 bị cáo:

Lê Công V -sinh ngày 30/01/2001 tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T – sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/9/2018 bị Công an huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Q – sinh năm 1974

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin giải quyết vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Kim P – sinh năm 1986

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1965

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt
- Ông Trần Nguyên T – sinh năm 1970

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt
- Ông Dương Hoàng Ngọc V – sinh năm 1971

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 13/11/2020, Lê Công V đến nhà bà Nguyễn Thị Q để làm mái hiên cho bà Q, quá trình làm việc đến 10 giờ cùng ngày thì Lê Công V đi vào nhà bà Q để cắm dây điện, khi đi vào nhà thì V quan sát thấy không có ai ở nhà để trông coi quản lý tài sản nên V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, V đi vào phòng ngủ thì thấy có tủ gỗ không khóa, V kéo ngăn tủ ra thấy có một bao nilong màu trắng, bên trong bao ni lông có một chiếc nhẫn màu vàng loại nhẫn tròn trơn, V lấy chiếc nhẫn này rồi bỏ vào túi quần, đóng ngăn tủ lại rồi tiếp tục ra làm việc đến 11 giờ cùng ngày thì về nhà. Sau khi trộm tài sản, đến 12 giờ cùng ngày, Lê Công V điều khiển xe mô tô 76HC-0565 đến tiệm vàng KT tổ dân phố A, phường N bán chiếc nhẫn vàng đã trộm cho ông Trần Kim P với số tiền 10.329.000đồng, sau đó V thỏa thuận mua lại một sợi dây chuyền bạc với giá 499.000đồng tại tiệm vàng này, sau khi thỏa thuận xong V giao nhẫn cho ông P rồi nhận số tiền 9.830.000đồng cùng sợi dây chuyền bạc rồi về. Đến 17 giờ cùng ngày khi về nhà V đưa cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H số tiền 500.000 đồng từ số tiền bán vàng và nói là tiền được bồi dưỡng khi làm việc thì bà H nhận số tiền này.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 08/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Đức Phổ kết luận chiếc nhẫn mà bị cáo trộm có giá trị là 10.070.000đồng.

Cáo trạng số: 11/CT - VKS ngày 17/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố Lê Công V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo với mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về phần dân sự: Tài sản đã trả lại cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu gì nên đề nghị miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quy nhà nước số tiền thu giữ của bị cáo 9.770.000 đồng và 01 sợi dây chuyền bạc

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thị xã Đức Phổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Công V khai nhận vào sáng ngày 13/11/2020 trong quá trình làm mái hiên cho bà Q đã có hành vi lén lút trộm của bà Q một chiếc nhẫn vàng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản.

[3] Hành vi của bị cáo lén lút trộm chiếc nhẫn vàng của bà Nguyễn Thị Q, theo kết luận định giá xác định giá của chiếc nhẫn vàng bị cáo trộm có giá trị là 10.070.000 đồng. Nên hành vi của bị cáo đã phạm tội được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét bị cáo là công dân Việt Nam có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết về pháp luật và xã hội. Bị cáo thừa hiểu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ không ai được quyền xâm phạm một cách trái pháp luật. Bị cáo vào năm 2018 bị Công an thị xã Đức Phổ xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà có hành vi tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật nên cần xử bị cáo với mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện trả lại tài sản cho người bị hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu giữ của bị cáo 9.770.000 đồng và 01 sợi dây chuyền bạc

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Công V phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Lê Công V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 9.770.000 đồng của bị cáo. Số tiền này đang giữ tại tài khoản số 3949.0.1043763.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ tại kho bạc nhà nước thị xã Đức Phổ và 01 sợi dây chuyền bạc được đựng trong một bì giấy, một mặt có chữ “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NGÃI” “CÔNG AN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ”, được niêm phong theo quy định và có chữ ký của

Võ Hữu Vi, Huỳnh Vũ Hoàng Anh, Nguyễn Thị Q và đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đức Phổ; theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/4/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Công V phải nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Công V, anh Trần Kim P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT công an thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS công an thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Kha